



pàn luàn

叛乱

noun · rebellion, insurrection

Example Sentences

Zhè chǎng pàn luàn hěn kuài bèi píng xī le
这场叛乱很快被平息了。

This rebellion was quickly suppressed.

Lì shǐ shàng duō cì pàn luàn dōu yuán yú mín zhòng de bù mǎn
历史上多次叛乱都源于民众的不满。

Many rebellions in history originated from public discontent.

Trace each character, then write the word on your own.

叛	叛	叛	叛	叛	叛	叛	叛	叛	叛	叛
叛										

乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱
